

Số: 2843/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng họp xét tốt nghiệp số 1142/BB-ĐHNH, ngày 30/08/2024 và Tờ trình số 310/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 179 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 8 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *Jh*

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2843/QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|------------------|-------|------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|------------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 1 | 030632161251 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai | 19/08/1998 | Thanh Hóa | Nữ | HQ4-GE04 | 6.61 | 2.65 | 129 | Kế toán | Khá | K4 |
| 2 | 030632160346 | Hoàng Anh | Đức | 17/02/1998 | Quảng Ninh | Nam | HQ4-GE01 | 6.78 | 2.71 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K4 |
| 3 | 030632163374 | Trần Việt | Lâm | 20/02/1998 | Cà Mau | Nam | HQ4-GE04 | 6.78 | 2.71 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K4 |
| 4 | 030632161235 | Phan Thị Diệu | Ly | 31/01/1998 | Hà Tĩnh | Nữ | HQ4-GE04 | 7.50 | 3.00 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K4 |
| 5 | 030805170346 | Vũ Đức | Hải | 30/07/1999 | Thái Bình | Nam | HQ5-GE11 | 6.90 | 2.76 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K5 |
| 6 | 030633170289 | Lê Bảo | Ngọc | 27/04/1999 | Gia Lai | Nữ | HQ5-GE04 | 7.71 | 3.08 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K5 |
| 7 | 050606180118 | Phạm Lê Quỳnh | Hoa | 02/10/2000 | Bình Dương | Nữ | HQ6-GE08 | 7.59 | 3.04 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 8 | 050606180147 | Nguyễn Thị Thanh | Hương | 10/10/2000 | Đồng Nai | Nữ | HQ6-GE09 | 6.61 | 2.65 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 9 | 050606180162 | Trần Phạm Vân | Khánh | 16/12/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ6-GE02 | 7.24 | 2.89 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 10 | 050606180378 | Nguyễn Thị Hoàng | Thơ | 18/11/2000 | Đồng Nai | Nữ | HQ6-GE03 | 7.98 | 3.19 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 11 | 050606180338 | Trịnh Thị Thảo | Tiên | 06/08/2000 | Quảng Trị | Nữ | HQ6-GE08 | 8.07 | 3.23 | 129 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K6 |
| 12 | 030334180293 | Nguyễn Bảo Lan | Vy | 11/10/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ6-GE03 | 7.50 | 3.00 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 13 | 050606180468 | Lê Thị Kim | Xuyến | 15/10/2000 | Tiền Giang | Nữ | HQ6-GE09 | 6.90 | 2.76 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 |
| 14 | 050606180039 | Hứa Ngọc Minh | Châu | 14/11/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ6-GE11 | 6.37 | 2.55 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 |
| 15 | 030134180168 | Nguyễn Đức | Huy | 22/10/2000 | Đồng Nai | Nam | HQ6-GE12 | 6.06 | 2.42 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Trung bình | K6 |
| 16 | 050606180170 | Nguyễn Hồng | Lam | 15/05/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ6-GE04 | 7.26 | 2.91 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 |
| 17 | 050606180192 | Nguyễn Hồ Phi | Long | 12/03/2000 | Đồng Nai | Nam | HQ6-GE10 | 6.03 | 2.41 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Trung bình | K6 |
| 18 | 030134180421 | Nguyễn Hồng | Quân | 13/01/2000 | Sóc Trăng | Nữ | HQ6-GE06 | 6.46 | 2.59 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 |
| 19 | 050606180339 | Nguyễn Như | Tiến | 06/10/1999 | Bình Phước | Nam | HQ6-GE10 | 6.40 | 2.56 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 |
| 20 | 050606180349 | Nguyễn Thị Ánh | Tuyết | 06/06/2000 | Tiền Giang | Nữ | HQ6-GE05 | 8.24 | 3.30 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K6 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|----------------------|--------|------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 21 | 050606180445 | Nguyễn Thanh | Vân | 08/08/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ6-GE09 | 6.51 | 2.60 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 |
| 22 | 050607190058 | Lê Thị Thanh | Bình | 08/08/2001 | Tiền Giang | Nữ | HQ7-GE08 | 6.78 | 2.71 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 23 | 050607190064 | Nguyễn Bích | Chi | 05/06/2001 | Bình Định | Nữ | HQ7-GE08 | 7.21 | 2.88 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 24 | 050607190079 | Lý Hồ | Diệp | 12/03/2001 | Kiên Giang | Nữ | HQ7-GE08 | 7.85 | 3.14 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 25 | 050607190089 | Đoàn Thị Cẩm | Duyên | 02/06/2001 | Tiền Giang | Nữ | HQ7-GE08 | 8.36 | 3.34 | 130 | Kế toán | Giỏi | K7 |
| 26 | 050607190117 | Võ Bích | Giang | 09/04/2001 | Quảng Ngãi | Nữ | HQ7-GE08 | 7.68 | 3.07 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 27 | 050607190414 | Nguyễn Thị Ngọc | Phượng | 07/03/2000 | Tây Ninh | Nữ | HQ7-GE08 | 7.74 | 3.10 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 28 | 050607190625 | Nguyễn Hoàng Thục | Uyên | 30/11/2001 | Quảng Nam | Nữ | HQ7-GE01 | 7.90 | 3.16 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 29 | 050607190650 | Huỳnh Thị Khánh | Vy | 18/06/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE09 | 7.88 | 3.15 | 130 | Kế toán | Khá | K7 |
| 30 | 050607190049 | Pakpahan Nguyễn Hồng | Ân | 19/07/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE03 | 8.49 | 3.39 | 130 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K7 |
| 31 | 050607190054 | Trần Quốc | Bảo | 13/01/2000 | Đắk Nông | Nam | HQ7-GE11 | 7.20 | 2.88 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 32 | 050607190074 | Nguyễn Huỳnh Công | Danh | 19/01/2001 | Đồng Tháp | Nam | HQ7-GE12 | 7.30 | 2.92 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 33 | 050607190076 | Trần Hồng Khả | Di | 13/09/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE02 | 7.19 | 2.88 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 34 | 050607190211 | Nguyễn Đào Gia | Kiệt | 20/11/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ7-GE12 | 7.47 | 2.99 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 35 | 050607190413 | Ngô Thuý | Phượng | 04/02/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE10 | 8.02 | 3.21 | 130 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K7 |
| 36 | 050607190478 | Châu Minh | Thắng | 16/09/2001 | Đắk Lắk | Nam | HQ7-GE11 | 7.23 | 2.89 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 37 | 050607190455 | Hoàng Ngọc | Thanh | 18/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE12 | 7.56 | 3.02 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 38 | 050607190482 | Nguyễn Ngọc Mai | Thi | 25/11/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE13 | 7.76 | 3.10 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 39 | 050607190520 | Nguyễn Hoàng Minh | Thức | 22/06/2001 | Kiên Giang | Nam | HQ7-GE03 | 7.50 | 3.00 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 40 | 050607190682 | Dương Nguyễn Hoàng | Yến | 04/09/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE10 | 7.29 | 2.92 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 |
| 41 | 030135190012 | Hà Quỳnh | Anh | 21/10/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE17 | 7.91 | 3.16 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 42 | 050607190097 | Trần Thị Mỹ | Duyên | 18/08/2001 | Vĩnh Long | Nữ | HQ7-GE17 | 8.30 | 3.32 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K7 |
| 43 | 050607190157 | Khương Văn | Hiệu | 22/10/2001 | Nam Định | Nam | HQ7-GE17 | 8.04 | 3.21 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K7 |
| 44 | 050607190173 | Trần Quốc | Huy | 13/04/2001 | Khánh Hòa | Na.n | HQ7-GE07 | 7.24 | 2.90 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 45 | 050607190258 | Lê Gia Phương | Minh | 17/01/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE06 | 7.42 | 2.97 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 46 | 050607190334 | Lê Hồ Quang | Nhật | 08/10/2001 | Cà Mau | Nam | HQ7-GE04 | 7.59 | 3.03 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 47 | 030135190391 | Bùi Thị Ngọc | Nhi | 10/02/2001 | Nam Định | Nữ | HQ7-GE05 | 8.20 | 3.28 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K7 |
| 48 | 030135190426 | Lê Trần Tâm | Như | 12/10/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE16 | 7.11 | 2.84 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 49 | 050607190427 | Kiều Như | Quỳnh | 21/04/2000 | Hải Dương | Nữ | HQ7-GE07 | 7.05 | 2.82 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 50 | 050607190443 | Nguyễn Ngọc Mỹ | Tâm | 16/09/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE16 | 7.60 | 3.04 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 51 | 050607190447 | Trương Thị Thanh | Tâm | 08/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE15 | 7.54 | 3.02 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 52 | 050607190449 | Đoàn Thanh | Tân | 14/05/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ7-GE05 | 7.55 | 3.02 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 53 | 050607190543 | Nguyễn Thanh | Tùng | 11/08/2001 | Hậu Giang | Nam | HQ7-GE05 | 8.90 | 3.56 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K7 |
| 54 | 030135190655 | Nguyễn Minh | Trí | 17/12/2001 | Bình Định | Nam | HQ7-GE06 | 7.54 | 3.02 | 131 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 55 | 030135190705 | Nguyễn Thị Phương | Uyên | 06/10/2001 | Kiên Giang | Nữ | HQ7-GE05 | 7.70 | 3.08 | 131 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 56 | 050607190642 | Trần Phúc | Vinh | 01/03/2001 | Bến Tre | Nam | HQ7-GE14 | 7.41 | 2.96 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 57 | 050607190656 | Nguyễn Tường | Vy | 14/10/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ7-GE16 | 7.81 | 3.12 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 58 | 050607190689 | Trần Hồng | Yến | 05/04/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ7-GE04 | 7.58 | 3.03 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 |
| 59 | 050608200003 | Hoàng Thị Kim | Anh | 28/05/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE09 | 7.98 | 3.19 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 60 | 050608200224 | Bùi Tuyết | Anh | 11/05/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE01 | 8.78 | 3.51 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 61 | 050608200029 | Lê Thị Linh | Chi | 20/08/2002 | Thanh Hóa | Nữ | HQ8-GE10 | 7.76 | 3.10 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 62 | 050608200033 | Ngô Hạnh | Doanh | 16/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE09 | 8.34 | 3.33 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 63 | 050608200320 | Trần Thị Thu | Hà | 09/11/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE10 | 7.74 | 3.09 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 64 | 050608200377 | Nguyễn Thị Minh | Hương | 14/01/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE01 | 8.23 | 3.29 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 65 | 050608200096 | Trần Thị Hoài | Nam | 29/06/2002 | Bình Dương | Nữ | HQ8-GE09 | 7.91 | 3.16 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 66 | 050608200612 | Tống Mỹ | Tâm | 12/02/2002 | Bình Dương | Nữ | HQ8-GE09 | 8.57 | 3.43 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 67 | 050608200673 | Đào Thị Minh | Thu | 09/12/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE10 | 8.49 | 3.40 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 68 | 050608200163 | Hồ Thị Mộng | Tiên | 05/04/2001 | Tiền Giang | Nữ | HQ8-GE09 | 8.11 | 3.24 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|-------------------|--------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|---------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 69 | 050608200621 | Phạm Thị Ánh | Tiên | 16/08/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE09 | 8.53 | 3.41 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 70 | 050608200728 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trâm | 16/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE01 | 7.97 | 3.19 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 71 | 050608200190 | Lê Phương Trúc | Uyên | 29/12/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE09 | 7.28 | 2.91 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 72 | 050608200763 | Hà Thị Khánh | Vi | 27/11/2001 | Gia Lai | Nữ | HQ8-GE09 | 8.06 | 3.23 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 |
| 73 | 030536200258 | Phan Thị Khánh | Vy | 03/12/2002 | Bình Phước | Nữ | HQ8-GE01 | 7.71 | 3.09 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 74 | 050608200776 | Lê Nguyễn Tường | Vy | 14/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE01 | 7.45 | 2.98 | 123 | Kế toán | Khá | K8 |
| 75 | 050608200022 | Trần Nguyễn Ngọc | Ánh | 15/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE13 | 8.34 | 3.33 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 76 | 050608200025 | Trần Ngọc | Bảo | 16/04/2002 | Bến Tre | Nam | HQ8-GE12 | 8.09 | 3.24 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 77 | 050608200317 | Nguyễn Thị Minh | Hà | 13/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE12 | 8.19 | 3.28 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 78 | 050608200343 | Võ Gia | Hân | 04/09/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE03 | 8.84 | 3.54 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 79 | 050608200075 | Nguyễn Vĩnh | Khoa | 25/07/2001 | Tiền Giang | Nam | HQ8-GE02 | 8.06 | 3.23 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 80 | 050608200414 | Huỳnh Trần Trúc | Linh | 03/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE11 | 8.77 | 3.51 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 81 | 050608200432 | Trần Tấn | Lộc | 14/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE12 | 7.53 | 3.01 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 82 | 050608200453 | Trần Hoàng Thảo | My | 13/06/2002 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE12 | 7.48 | 2.99 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 83 | 050608200470 | Nguyễn Thoại Trúc | Ngân | 01/03/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE02 | 7.60 | 3.04 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 84 | 050608200471 | Phạm Thị Kim | Ngân | 25/02/2002 | An Giang | Nữ | HQ8-GE11 | 8.06 | 3.23 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 85 | 050608200472 | Phạm Trần Kim | Ngân | 20/08/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE12 | 7.81 | 3.12 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 86 | 050608200497 | Nguyễn Đình Hải | Nguyễn | 12/08/2002 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE12 | 7.73 | 3.09 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 87 | 050608200119 | Phan Thảo | Nhân | 21/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE02 | 7.93 | 3.17 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 88 | 050608200508 | Nguyễn Hữu | Nhân | 04/04/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE02 | 6.99 | 2.79 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 89 | 050608200534 | Võ Uyên | Nhi | 07/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE03 | 8.24 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 90 | 050608200127 | Lim Thiên | Như | 15/09/2002 | Kiên Giang | Nữ | HQ8-GE13 | 7.67 | 3.07 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 91 | 050608200537 | Đỗ Thị Hồng | Nhung | 16/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE02 | 7.96 | 3.19 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 92 | 050608200559 | Lê Tấn | Phát | 10/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE02 | 7.93 | 3.17 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 93 | 050608200563 | Đỗ Nam | Phú | 31/01/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE11 | 7.15 | 2.86 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 94 | 050608200597 | Nguyễn Phạm Ái | Quỳnh | 04/09/2002 | Bình Thuận | Nữ | HQ8-GE13 | 8.27 | 3.31 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 95 | 050608200614 | Vũ Minh | Tâm | 22/04/2002 | Đồng Nai | Nam | HQ8-GE12 | 7.72 | 3.09 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 96 | 050608200148 | Lê Ngọc | Thiện | 17/01/2002 | Đồng Nai | Nam | HQ8-GE02 | 7.52 | 3.01 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 97 | 050608200685 | Nguyễn Ngọc | Thúy | 05/01/2002 | Bình Thuận | Nữ | HQ8-GE11 | 8.23 | 3.29 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 98 | 050608200619 | Ngô Mỹ | Tiên | 31/12/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE02 | 8.68 | 3.47 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 99 | 050608200620 | Nguyễn Thị Thùy | Tiên | 23/11/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE13 | 7.72 | 3.09 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 100 | 050608200722 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 08/07/2002 | Hải Dương | Nữ | HQ8-GE12 | 8.08 | 3.23 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K8 |
| 101 | 050608200724 | Trương Nguyễn Minh | Trang | 16/03/2002 | Quảng Trị | Nữ | HQ8-GE11 | 7.89 | 3.16 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 102 | 050608200744 | Võ Thị Phương | Trinh | 27/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE02 | 7.76 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 103 | 050608200760 | Ngô Thùy | Vân | 27/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE02 | 7.79 | 3.12 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 |
| 104 | 050608200006 | Lê Huỳnh Phương | Anh | 21/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE06 | 7.82 | 3.13 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 105 | 050608200229 | Lê Đan Quỳnh | Anh | 03/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE04 | 8.01 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 106 | 050608200244 | Trần Thị Hoàng | Anh | 28/10/2002 | Khánh Hòa | Nữ | HQ8-GE19 | 8.40 | 3.36 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 107 | 050608200027 | Lý Bảo | Châu | 09/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 7.72 | 3.09 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 108 | 050608200259 | Nguyễn Hoàng Bảo | Châu | 16/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE05 | 8.89 | 3.56 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 109 | 050608200265 | Lê Hoàng Linh | Chi | 16/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE06 | 7.56 | 3.03 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 110 | 050608200253 | Nguyễn Thành | Công | 20/06/2002 | Hưng Yên | Nam | HQ8-GE17 | 7.92 | 3.17 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 111 | 050608200297 | Lê Nguyễn Phương | Đài | 28/01/2002 | Quảng Ngãi | Nữ | HQ8-GE14 | 9.32 | 3.73 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K8 |
| 112 | 050608200037 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 26/10/2002 | Bến Tre | Nữ | HQ8-GE19 | 8.15 | 3.26 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 113 | 050608200292 | Đặng Thị Ánh | Dương | 31/10/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE08 | 8.18 | 3.27 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 114 | 050608200296 | Phan Thùy | Dương | 03/01/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE04 | 8.70 | 3.48 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 115 | 050608200289 | Nguyễn Thái Mỹ | Duyên | 15/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 7.97 | 3.19 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 116 | 050608200291 | Tổng Thị Mỹ | Duyên | 27/02/2002 | Phú Thọ | Nữ | HQ8-GE15 | 8.47 | 3.39 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 117 | 050608200290 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 03/06/2002 | Kon Tum | Nữ | HQ8-GE16 | 8.50 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 118 | 050608200042 | Trần Ngọc Quỳnh | Giang | 17/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE20 | 8.57 | 3.43 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 119 | 050608200043 | Trần Nhật Ngân | Giang | 25/10/2002 | Tiền Giang | Nữ | HQ8-GE19 | 7.92 | 3.17 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 120 | 050608200310 | Lại Hoàng Quỳnh | Giang | 20/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE07 | 7.46 | 2.98 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 121 | 050608200045 | Cao Nguyễn Ngọc | Giàu | 12/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE07 | 8.56 | 3.43 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 122 | 050608200319 | Trần Đỗ Như | Hà | 28/03/2002 | Gia Lai | Nữ | HQ8-GE05 | 8.69 | 3.48 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 123 | 050608200321 | Vũ Nhật | Hạ | 01/04/2002 | Lâm Đồng | Nữ | HQ8-GE16 | 7.48 | 2.99 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 124 | 050608200335 | Đào Thị Mỹ | Hân | 16/12/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 8.02 | 3.21 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 125 | 050608200330 | Lại Thị Diễm | Hằng | 28/06/2002 | Thái Bình | Nữ | HQ8-GE06 | 8.23 | 3.29 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 126 | 050608200352 | Huỳnh Mỹ | Hoa | 15/09/2002 | Tây Ninh | Nữ | HQ8-GE07 | 8.05 | 3.22 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 127 | 030136200210 | Bùi Nhật | Hoàng | 25/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE06 | 8.00 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 128 | 030136200241 | Trần Diệu | Hương | 31/01/2002 | Phú Thọ | Nữ | HQ8-GE06 | 8.31 | 3.32 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 129 | 050608200376 | Hoàng Nguyễn Thanh | Hương | 25/09/2002 | Thừa Thiên Huế | Nữ | HQ8-GE07 | 8.38 | 3.35 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 130 | 050608200369 | Nguyễn Huỳnh Phạm | Huy | 17/11/2002 | Gia Lai | Nam | HQ8-GE08 | 8.62 | 3.45 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 131 | 050608200373 | Nguyễn Thúy | Huyền | 15/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE17 | 8.22 | 3.29 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 132 | 050608200395 | Hồ Ngọc | Khánh | 19/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE19 | 8.42 | 3.37 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 133 | 050608200385 | Lê Tuấn | Kiệt | 18/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE07 | 8.07 | 3.23 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 134 | 050608200078 | Nguyễn Thị Vân | Kim | 20/07/2002 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE17 | 8.21 | 3.28 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 135 | 050608200419 | Nguyễn Lê Ngọc | Linh | 20/05/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE05 | 7.90 | 3.16 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 136 | 050608200434 | Lê Thị Trúc | Ly | 03/12/2002 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE20 | 8.31 | 3.32 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 137 | 050608200215 | Đoàn Dương Xuân | Mai | 18/05/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE05 | 7.54 | 3.01 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 138 | 050608200093 | Nguyễn Thị Trà | My | 28/08/2002 | Tây Ninh | Nữ | HQ8-GE07 | 8.12 | 3.25 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 139 | 050608200095 | Trần Thị Kim | Mỹ | 22/04/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE05 | 8.02 | 3.21 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 140 | 050608200098 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nga | 28/12/2002 | Hà Nội | Nữ | HQ8-GE08 | 8.31 | 3.32 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 141 | 030136200367 | Nguyễn Ngọc Thiên | Ngân | 03/05/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE05 | 8.37 | 3.35 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 142 | 050608200104 | Phan Nguyễn Bảo | Ngân | 05/10/2002 | Bến Tre | Nữ | HQ8-GE19 | 8.30 | 3.32 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 143 | 050608200479 | Đoàn Lê Xuân | Nghi | 02/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE07 | 8.17 | 3.27 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 144 | 050608200111 | Nguyễn Thiệu Bảo | Ngọc | 21/03/2002 | An Giang | Nữ | HQ8-GE15 | 7.68 | 3.07 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 145 | 050608200488 | Lê Nguyên Bảo | Ngọc | 27/12/2002 | Lâm Đồng | Nữ | HQ8-GE20 | 8.03 | 3.21 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 146 | 050608200494 | Trần Lý Mỹ | Ngọc | 16/03/2002 | Ninh Thuận | Nữ | HQ8-GE05 | 8.03 | 3.21 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 147 | 050608200499 | Nguyễn Phước | Nguyên | 29/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE07 | 7.86 | 3.14 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 148 | 050608200125 | Vũ Yên | Nhi | 01/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE18 | 8.71 | 3.48 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 149 | 050608200516 | Huỳnh Tuyết | Nhi | 27/12/2002 | Bình Dương | Nữ | HQ8-GE20 | 7.85 | 3.14 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 150 | 050608200520 | Nguyễn Bình Phương | Nhi | 02/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 8.35 | 3.34 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 151 | 050608200524 | Nguyễn Mai Yến | Nhi | 22/10/2001 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE14 | 8.13 | 3.25 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 152 | 050608200528 | Trần Lê Hoàng | Nhi | 21/08/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE18 | 8.53 | 3.41 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 153 | 050608200531 | Trương Yên | Nhi | 01/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE17 | 8.11 | 3.24 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 154 | 050608200128 | Nguyễn Diễm Quỳnh | Như | 10/01/2002 | Gia Lai | Nữ | HQ8-GE14 | 8.63 | 3.45 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 155 | 050608200554 | Xa Khiết | Như | 27/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 7.99 | 3.19 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 156 | 050608200575 | Phí Thị Mai | Phương | 10/01/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE04 | 8.11 | 3.24 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 157 | 050608200591 | Phạm Thu | Quyên | 18/09/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE18 | 7.37 | 2.95 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 158 | 050608200596 | Mạc Tôn Cát | Quỳnh | 01/08/2002 | Khánh Hòa | Nữ | HQ8-GE18 | 7.97 | 3.19 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 159 | 050608200600 | Nguyễn Thị Diễm | Quỳnh | 19/06/2002 | Bình Định | Nữ | HQ8-GE06 | 8.32 | 3.33 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 160 | 030136200525 | Hồ Nguyễn Như | Quỳnh | 01/05/2002 | Lâm Đồng | Nữ | HQ8-GE05 | 8.18 | 3.27 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 161 | 030136200539 | Lê Thị Minh | Tâm | 21/01/2002 | Lâm Đồng | Nữ | HQ8-GE04 | 7.28 | 2.91 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 162 | 050608200656 | Vũ Huyền Diệu | Thảo | 11/04/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE16 | 7.91 | 3.17 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 163 | 050608200150 | Trần Phú | Thịnh | 02/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | HQ8-GE19 | 9.15 | 3.66 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K8 |
| 164 | 050608200668 | Huỳnh Kim | Thoa | 26/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE05 | 8.45 | 3.38 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa | | | Chuyên ngành | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
| | | | | | | | | Hệ 10 | Hệ 4 | SỐ TC | | | |
| 165 | 050608200152 | Nguyễn Thị Thiên | Thời | 19/12/2002 | Quảng Ngãi | Nữ | HQ8-GE20 | 8.20 | 3.28 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 166 | 050608200695 | Nguyễn Huỳnh Minh | Thư | 03/12/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 7.97 | 3.19 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 167 | 050608200156 | Nguyễn Ngọc | Thuận | 11/03/2002 | An Giang | Nữ | HQ8-GE15 | 8.20 | 3.28 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 168 | 050608200708 | Nguyễn Lê Thanh | Thy | 18/04/2000 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE14 | 8.91 | 3.56 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 169 | 050608200731 | Nguyễn Thị Bích | Trâm | 10/10/2002 | Long An | Nữ | HQ8-GE07 | 8.38 | 3.35 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 170 | 050608200738 | Trương Bích | Trân | 23/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 8.27 | 3.31 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 171 | 050608200174 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang | 03/12/2002 | Gia Lai | Nữ | HQ8-GE20 | 7.77 | 3.11 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 172 | 050608200721 | Nguyễn Ngọc Phương | Trang | 18/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE08 | 8.24 | 3.29 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 173 | 050608200180 | Đặng Nguyễn Hồng | Trúc | 13/04/2002 | Đồng Nai | Nữ | HQ8-GE05 | 7.84 | 3.14 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 |
| 174 | 050608200633 | Dương Thị Thanh | Tuyền | 15/07/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE18 | 8.10 | 3.24 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 175 | 050608200636 | Trần Thị Bạch | Tuyết | 13/12/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ | HQ8-GE20 | 8.42 | 3.37 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 176 | 050608200756 | Trần Đình Khánh | Uyên | 01/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ | HQ8-GE06 | 8.14 | 3.26 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 177 | 050608200199 | Lê Thùy Diễm | Vy | 11/11/2002 | Ninh Thuận | Nữ | HQ8-GE08 | 8.16 | 3.26 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 178 | 050608200775 | Lâm Triệu | Vy | 22/07/2002 | Cà Mau | Nữ | HQ8-GE06 | 8.21 | 3.28 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |
| 179 | 050608200802 | Nguyễn Phi | Yến | 02/04/2002 | Tây Ninh | Nữ | HQ8-GE16 | 8.11 | 3.25 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 |

Tổng cộng: 179 sinh viên ✓